

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**Đặng Ngọc Phái¹, Phạm Thanh Huyền², Phan Văn Trường²,
Nguyễn Tập², Phan Công Tuấn³, Nguyễn Văn Ánh³,
Hồ Quý Phương³, Trần Hữu Việt Lợi³, Trần Cúc⁴,
Huỳnh Minh Đạo⁵, Trịnh Thị Quỳnh⁵**

¹Hội Dược liệu Đà Nẵng

²Viện Dược liệu – Bộ Y tế

³Bệnh viện Y học cổ truyền Đà Nẵng

⁴Sở Y tế Đà Nẵng

⁵Trường Đại học Kỹ thuật y dược Đà Nẵng

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng và ẩm, Việt Nam có nguồn tài nguyên thực vật phong phú và đa dạng. Theo thống kê từ các nguồn tài liệu đã công bố, ở Việt Nam hiện đã biết 10.340 loài, thuộc 2.256 chi và 305 họ thực vật bậc cao có mạch (Phan Ke Loc, 1998). Về cây thuốc, trong bộ Danh lục Cây thuốc Việt Nam, của Viện Dược liệu mới xuất bản, gồm tổng số 5.117 loài, riêng thuộc nhóm thực vật bậc cao có mạch có tới hơn 5.000 loài (Viện Dược liệu, 2017).

Thành phố Đà Nẵng nằm ở miền Trung nước ta. Với đặc điểm về địa hình và khí hậu độc đáo, Đà Nẵng cũng là nơi có mức độ đa dạng sinh vật đáng chú ý. Theo kết quả điều tra nghiên cứu về thực vật rừng ở vùng rừng Sơn Trà và Bà Nà – Núi Chúa, đã thống kê được tới trên 900 loài thực vật bậc cao có mạch (Đinh Thị Phương Anh et al., 1997 & 2002; Trần Văn Thụy et al., 2005), trong đó có nhiều loài làm thuốc.

Thành phố Đà Nẵng trước kia, khi còn là hợp tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng cũ (1976-1996), đã từng được tổ chức điều tra dược liệu. Theo kết quả hoàn thành công tác điều tra cơ bản năm 1984, đã phát hiện và ghi nhận được ở tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng 735 loài cây thuốc. Hàng chục cây thuốc có giá trị sử dụng và kinh tế cao (như Bách bộ, Cốt toái bồ lá to, Hoàng đằng, Mạn kinh biển, Ngũ gia bì chân chim, Sa nhân, Thiên niên kiện, Thổ phục linh, Vàng đắng,...) đã được giới thiệu cho khai thác thu mua, đưa vào sử dụng (Viện Dược liệu, 1977-1985). Song, kể từ khi tái lập thành phố Đà Nẵng (1997) đến nay, chưa có công trình nào đi sâu điều tra nghiên cứu về nguồn tài nguyên cây thuốc, ở riêng thành phố.

Trước tình hình thực tế trên, UBND thành phố, thông qua Sở KH & CN Đà Nẵng đã giao cho Hội Dược liệu và Bệnh viện YHCT thành phố, phối hợp của Viện Dược liệu, Bộ Y tế thực hiện đề tài: *Đánh giá thực trạng cây thuốc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển*. Sau gần 2 năm tiến hành điều tra nghiên cứu, về cơ bản đã nắm được tổng số loài cây thuốc đã biết, cùng với một số dẫn liệu khác có liên quan, phục vụ cho yêu cầu khai thác, sử dụng một cách bền vững nguồn tài nguyên này tại địa phương.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

- Là các loài thực vật bậc cao có mạch, có công dụng làm thuốc, hiện có trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Phương pháp điều tra nghiên cứu

Phương pháp chung để điều tra nghiên cứu là áp dụng theo “Quy trình điều tra dược liệu” của Bộ Y tế, 1973 (Bộ Y tế, 1973) và “Phương pháp điều tra thu thập cây thuốc” của Nguyễn

Tập, 2006. Theo đó: (1) Việc điều tra thu thập cây thuốc trên thực địa, được tiến hành theo các tuyến đại diện, được xác định bằng GPS và do cán bộ Kiểm lâm địa bàn hướng dẫn. Trên các tuyến điều tra, tiến hành quan sát, thống kê, thu thập mẫu vật,... và dùng GPS ghi nhận nơi điểm phát hiện các loài cây thuốc đã gặp. (2) Xác định tên khoa học các loài cây thuốc theo phương pháp so sánh hình thái cổ điển và sử dụng khóa phân loại trong các bộ Thực vật chí hiện có. (3) Làm tiêu bản cây thuốc theo phương pháp làm mẫu thực vật (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007) và phương pháp làm mẫu cây thuốc (Nguyễn Tập, 2006).

II. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU

1. Sự phong phú của cây thuốc về thành phần loài và ở các bậc phân loại

Qua điều tra thu thập, đã xác định được 968 loài và thứ (var.) có công dụng làm thuốc, thuộc 602 chi, 200 họ, của 6 ngành thực vật bậc cao có mạch.

Bảng 1

Cây thuốc trong các bậc phân loại (taxon) thực vật

STT	Ngành Thực vật	Số họ	Số chi	Số loài/thứ
1	Ngành Thông đất (<i>Lycopodiophyta</i>)	2	3	4
2	Ngành Cỏ thấp bút (<i>Equisetophyta</i>)	1	1	1
3	Ngành Dương xỉ (<i>Polypodiophyta</i>)	15	20	23
4	Ngành Thông (<i>Pinophyta</i>)	4	6	9
5	Ngành Tuế (<i>Cycadophyta</i>)	1	1	3
6	Ngành Dây gắm (<i>Gnetophyta</i>)	1	1	3
7	Ngành Ngọc lan (<i>Magnoliophyta</i>)	176	570	925
Tổng số		200	602	968
Trong 2 Lớp thuộc ngành Ngọc lan (<i>Magnoliophyta</i>)				
Lớp Ngọc lan / Lớp Hai lá mầm (<i>Magnoliopsida / Dicotyledone</i>)		139	461	756
Lớp Hành / Lớp Một lá mầm (<i>Liliopsida / Monocotyledone</i>)		37	109	169
Tổng số		176	570	925

Nhận xét:

- Cây thuốc nằm trong ngành Ngọc lan có số lượng loài ($\approx 95,55\%$ tổng số loài và thứ), chi, họ thực vật lớn nhất, sau đến ngành Dương xỉ và các ngành thực vật còn lại.

- Khi xem xét về xuất xứ hiện tại, trong tổng số 968 loài cây thuốc đã biết, thống kê được 740 loài và thứ là cây mọc tự nhiên ($\approx 76,46\%$ tổng số loài) và 228 loài là cây thuốc trồng ($\approx 23,55\%$ tổng số loài). Nhóm cây thuốc mọc tự nhiên không chỉ phong phú về số lượng loài, mà còn phong phú về sự phân bố rộng rãi, trữ lượng tự nhiên, cũng như về giá trị sử dụng phổ biến của chúng. Nhóm cây thuốc trồng ở đây bao gồm phần lớn là các loại cây trồng ăn quả, rau, lương thực, cây cảnh ... nhưng có bộ phận dùng làm thuốc. Cây trồng với mục đích làm thuốc tuy chiếm ít loài, song cũng có một số loài mới được nhập vào Việt Nam, đã xuất hiện ở thành phố Đà Nẵng: Lá đắng (*Vernonia amygdalina* Del.), Hương thảo (*Rosmarinus officinalis* L.)... Lưu ý rằng, cây thuốc trồng (bao gồm cả các loại cây trồng khác - có bộ phận được dùng làm thuốc), cũng nằm trong nguồn tài nguyên cây thuốc, nhưng thuộc nhóm cây trồng).

Từ các kết quả điều tra thu thập trên, đã xây dựng được tập Danh lục cây thuốc thành phố Đà Nẵng.

2. Bổ sung một số loài cây thuốc cho Danh lục thực vật thành phố Đà Nẵng

Với danh sách 968 loài cây thuốc là thực vật bậc cao có mạch, khi đem đối chiếu với một số tập Danh lục thực vật hiện có tại địa phương (*Đình Thị Phương Anh, et al., 1997 & 2002; Trần Văn Thủy, et al., 2005 ...*), đã xác định được 50 loài bổ sung vào danh lục cây thuốc Đà Nẵng, như: Ba kích (*Morinda officinalis* How), Bình vôi tím (*Stephania exentrica* H. S. Lo), Bạch đầu to (*Vernonia macrachaenia* Gagnep.), Bàng vuông (*Barringtonia asiatica* (L.) Kurz.), Dương đầu (*Rhopalocnemis phaloides* Jungh.), Lan vani (*Vanilla annamensis* Gagnep.), Nhàu núi (*Morinda longissima* Y. Z. Ruan), Sừng trâu nhẵn (*Strophanthus wallichii* A. D C.), Phá lủa (*Tacca subflabellata* P. P. Ling et C.T. Ting), Thiên lý hương (*Embelia parviflora* Wall. ex A. D C.), Tót hoa (*Thottea hainanensis* (Merr. et Chun) D. Hou) ...Thậm chí có loài mới được công bố bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam (new record) – Cẩm nhật bản (*Peristrophe japonica* (Thunb.) Bremek) (*Đỗ Văn Hải, 2016*). Những kết quả nghiên cứu này, đã góp phần bổ sung và làm phong phú thêm nguồn gen thực vật vốn có của thành phố Đà Nẵng.

3. Những cây thuốc cần quan tâm bảo tồn

Trong số 740 loài và thứ cây thuốc mọc tự nhiên đã phát hiện ở Đà Nẵng lần này, đem đối chiếu với 3 tài liệu (Nghị định số 32/2006/NĐ-CP Sách Đỏ Việt Nam, phần II – Thực vật, 2007 và Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, 2006), thì thấy có 31 loài, thuộc 27 chi, 18 họ thực vật khác nhau. Đây là những loài cây thuốc thuộc diện bảo tồn ở Việt Nam, hiện đã phát hiện thấy ở thành phố Đà Nẵng. Cụ thể ở bảng sau:

Bảng 2

Những loài cây thuốc trong diện bảo tồn ở Việt Nam, đã phát hiện ở Đà Nẵng

STT	Tên cây thuốc & họ Thực vật	Nơi phát hiện ở ĐN	Ng. định 32	Sách Đỏ VN	D. lục Đỏ cây thuốc VN
1	Ba gác – <i>Rauwolfia verticillata</i> var. <i>hainanensis</i> ; Apocynaceae	Bà Nà: TK 12		VU	VU
2	Ba gác lá to – <i>Rauwolfia cambodiana</i> Pierre ex Pitard; Apocynaceae	H. Hòa Vang: xã Hòa Bắc		VU	VU
3	Ba kích – <i>Morinda officinalis</i> How Rubiaceae	Bà Nà: TK 37		VU	EN
4	Bảy lá một hoa – <i>Paris chinensis</i> Franch.; Trilliaceae	Bà Nà: TK 12, đập Gia Long			EN
5	Bình vôi – <i>Stephania sp.</i> ; Menispermaceae	Bà Nà: TK 4a	II.A		
6	Bình vôi tím – <i>Stephania exentrica</i> H.S.Lo; Menispermaceae	Bà Nà: TK 20, 37	II.A		
7	Dương đầu – <i>Rhopalocnemis phaloides</i> Junghuhn.; Balanophoraceae	Bà Nà: đập Gia Long		VU	VU
8	Hoàng đàn giả - <i>Dacrydium elatum</i> (Roxb.) Wall. ex Hook. Podocarpaceae	Bà Nà: đỉnh Bà Nà, TK 12, 37,51			VU

9	Hoàng đằng – <i>Fibraurea tinctoria</i> Lour. & <i>Fibraurea recisa</i> Pierre Menispermaceae	H. Hòa Vang: x. Hòa Khương, Hòa Nhơn, Q. Liên Chiểu: x. Hòa Hiệp Bắc Hải Vân: TK 4a Bà Nà: TK, 11, 21, 37, 43, 51 Sơn Trà: TK 62	IIA	.	
10	Hồi lá nhỏ - <i>Illicium parvifolium</i> Merr. Illiciaceae	Bà Nà: đỉnh Bà Nà, đập Gia Long, TK 12			VU
11	Kim giao – <i>Nageia fleuryi</i> (Hickel) de Laub. ; Podocarpaceae	Bà Nà: TK 12, 51, đập Gia Long			VU
12	Lá khô – <i>Ardisia gigantifolia</i> Stap Myrsinaceae	Bà Nà: TK 24, 37 Sơn Trà: TK 62, 64		VU	VU
13	Lan Kim tuyến – <i>Anoectochilus setaceus</i> Blume.; Orchidaceae	Bà Nà: đập Gia Long	IA	EN	EN
14	Lan thạch tâm – <i>Ludisia discolor</i> (Ker.-Gawl.) A. Rich.; Orchidaceae	Bà Nà: TK 11, đập Gia Long Hải Vân: TK. 11			VU
15	Mài gừng – <i>Dioscorea zingiberensi</i> C. H. Wrght; Dioscoreaceae	Bà Nà: TK 47, 51		EN	EN
16	Nân gừng – <i>Dioscorea dissimulans</i> Prain et Burkl.; Dioscoreaceae	Bà Nà: TK 47, 51		VU	VU
17	Ngải rơm – <i>Tacca integrifolia</i> Ker.-Gawl.; Taccaceae	Bà Nà: TK 12, 30, 37, 47		VU	VU
18	Ô kiến gai – <i>Myrmecodia armata</i> DC.; Rubiaceae	Bà Nà: TK 37		VU	VU
19	Phá lũa – <i>Tacca subflabellata</i> P. P. Ling et C. T. Ting; Taccaceae	Bà Nà: TK 37, 43			VU
20	Tắc kè đá – <i>Drynaria bonii</i> Christ Polypodiaceae	Nam Hải Vân: khu 4a		VU	VU
21	Thạch hộc hồng- <i>Dendrobium draconis</i> Reichb. Orchidaceae	Bà Nà: vùng đỉnh Bà Nà	II.A	VU	
22	Thần phục – <i>Homalomena vietnamensis</i> J. Bogner et Van Du Nguyen; Araceae	Bà Nà: TK 12, 20, 43, 47		VU	VU
23	Thích tật lê – <i>Tribulus terrestris</i> L. Zygophyllaceae	Sơn Trà: Bãi biển Q. Liên chiểu: Nam Ô		VU	VU
24	Thiên lý hương – <i>Embelia parviflora</i> Wall. ex A. DC Myrsinaceae	Bà Nà: TK 20, 21, 37		VU	VU
25	Thông lông gà – <i>Dcrycarpus imbreatus</i> (Blume) De Laub. Podocarpaceae	Bà Nà: đỉnh Bà Nà, TK 12, 47			VU

26	Thông tre – <i>Podocarpus annamensis</i> Gray Podocarpaceae	Bà Nà: đỉnh Bà Nà, TK 12, 37, 47			VU
27	Thuốc thượng – <i>Phaeanthus vietnamensis</i> Ban Annonaceae	H. Hòa Vang: xã Hòa Nhơn, Hòa Phú, Hòa Trung, Hòa Khương Bà Nà: TK 3, 12, 20,21, 43, 47		VU	VU
28	Trâm hương – <i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte Thymeleaceae	Bà Nà: TK 47			EN
29	Tuế sơn trà – <i>Cycas inermis</i> Lour. Cycadaceae	Q. Ngũ Hành Sơn: Núi đá Sơn Trà: TK 62, 63, 64	II.A		
30	Vàng đắng – <i>Coscinium fenestratum</i> (Gagnep.) Colebr.; Menispermaceae	Bà Nà: TK 37 Sơn Trà: TK 62,63, 64	II.A		
31	Vù hương – <i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jacq.) Meism. Lauraceae	Sơn Trà: TK 63	II.A		

Ghi chú: Trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP: IA- Nghiêm cấm khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; IIA- hạn chế cấm khai thác sử dụng vì mục đích thương mại. Trong Sách Đỏ và Danh lục Đỏ cây thuốc VN, gồm các mức phân hạng về tình trạng bị đe dọa theo IUCN: CR- Đang cực kỳ bị nguy cấp, EN- Đang bị nguy cấp và VU- Sắp bị nguy cấp.

Nhận xét: Trong số 31 loài, thuộc Nghị định số 32/2006/NĐ-CP có 8 loài (phụ lục IA: 1 loài phụ lục IIA: 7 loài). Trong Sách Đỏ Việt Nam, phần II – Thực vật, 2007: 17 loài (ở cấp EN: 5 loài, VU: 14 loài) và trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, 2006: 24 loài (EN: 5 loài, VU: 19 loài). Từng loài đã ghi nhận được về hiện trạng quần thể, tọa độ địa lý nơi đã phát hiện, để xây dựng bản đồ phân bố. Các dẫn liệu quan trọng này, sẽ giúp ích cho công tác quản lý và bảo tồn tại chỗ (in situ), nhất là ở 2 Khu Bảo tồn thiên nhiên Bà Nà – Núi Chúa, Sơn Trà và ở vùng Rừng phòng hộ Nam Hải Vân.

III. KẾT LUẬN

Sau gần 2 năm tiến hành điều tra nghiên cứu nguồn tài nguyên cây thuốc ở thành phố Đà Nẵng, đã ghi nhận được một số kết quả đáng quan tâm sau:

- Đã phát hiện và thống kê được ở thành phố Đà Nẵng 968 loài và thứ cây thuốc, thuộc 602 chi, 200 họ của 6 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó có 50 loài bổ sung cho khu hệ thực vật ở địa phương so với danh lục đã công bố trước đây.

- Trong số các loài cây thuốc đã biết ở thành phố Đà Nẵng lần này, đã xác định được 31 loài nằm trong diện bảo tồn ở Việt Nam. Từng loài đã ghi nhận được về hiện trạng, tọa độ địa lý nơi phân bố đã gặp và vẽ bản đồ. Đây là nguồn dẫn liệu quan trọng, đồng thời cũng là cơ sở khoa học tin cậy, để tiến hành bảo tồn các loài cây thuốc bị đe dọa có hiệu quả hơn, tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

2. **Đinh Thị Phương Anh**, et al., 2002. Nghiên cứu đa dạng sinh học Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa. Báo cáo kết quả NC đề tài lưu trữ ở Sở KH & CN, tp. Đà Nẵng.
3. **Đinh Thị Phương Anh, Nguyễn Tấn Lê và nhiều người khác**, 1995. Điều tra khu hệ Động – Thực vật và nhân tố ảnh hưởng, đề xuất phương án bảo tồn và sử dụng hợp lý Khu Bảo tồn thiên nhiên bán đảo Sơn trà. Báo cáo kết quả NC đề tài, lưu trữ ở Sở KH & CN, tp. Đà Nẵng.
4. **Nguyễn Tiến Bản (Chủ tịch Hội đồng)**, et, al., 2007. Sách Đỏ Việt Nam, phần II – Thực vật; Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
5. **Bộ Y tế**, 1973. Quy trình điều tra dược liệu.
6. **Lê Trần Đức**, 1990. Lược sử thuốc Nam và Dược học Tuệ Tĩnh; Nxb. Y học, chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.
7. **Đỗ Văn Hải**, 2016. Nghiên cứu phân loại phân tông Xuân tiết (subtrib. *Justiciinae* Ness) thuộc họ Ô rô (*Acanthaceae* Juss.) ở Việt Nam. Luận án TS. Sinh học Thực vật, Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam, Hà Nội.
8. **Hamann, O.**, 1991. The Joint IUCN – WWF plant Conservation Programme and Interest in Medicinal Plants. In: Akerele O. (ed.), *The conservation of Medicinal Plants*, Cambridge University Press.
9. **Farnworth N. R., Soejarto D. D.**, 1991. Global importance of medicinal plants, in: Akerele O. (ed.), *The conservation of Medicinal Plants*, Cambridge University Press.
10. **Phan Ke Loc**, 1998. On the systematic structure of the Vietnamese Flora. In: Proceeding of the first Inter. Symp. On Flora Charact. and Diversity of E. Asian Pl. Kunming, China, 1996.
11. **Nguyễn Tập**, 2003. Tổng quan về nguồn dược liệu Việt Nam. Trong: Bộ Y tế, Báo cáo Hội nghị Dược liệu toàn quốc lần thứ nhất, tại Hà Nội, tháng 3 năm 2003. Nxb. KH & KT, Hà Nội.
12. **Nguyễn Tập**, 2006. Phương pháp điều tra cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn. Trong: Nguyễn Thượng Dong (chủ biên), et al., *Nghiên cứu thuốc từ thảo dược*; Nxb. KH & KT, Hà Nội.
13. **Nguyễn Tập**, 2006. Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam năm 2006; Tạp chí Dược liệu, số 3/2006 (11); tr. 97-105.
14. **Nguyễn Tập**, 2007. Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam; IUCN, Đại sứ quán VQ Hà Lan tại Hà Nội và Mạng lưới LSNG VN xuất bản.
15. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 1997. Cẩm nang NC đa dạng sinh vật; Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
16. **Trần Văn Thụy**, et, al. , 2005. Điều tra lập danh lục và xây dựng bộ tiêu bản các loài thực vật thân gỗ ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Bà Nà – Núi Chúa. Báo cáo kết quả đề tài, lưu trữ ở Sở KH & CN, Tp. Đà Nẵng.
17. **Thủ tướng Chính phủ**, 2006. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP; 30/3/2006; v/v Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

18. **Viện Dược liệu** (1977-1985). Báo cáo kết quả điều tra Dược liệu miền Nam. Tài liệu lưu trữ tại Viện Dược liệu, từ năm 1961 đến 2016.
19. **Viện Dược liệu**, 2016. Danh lục cây thuốc Việt Nam; Nxb. KH & KT, Hà Nội.

SURVEY RESULTS OF MEDICINAL PLANT RESOURCES IN DA NANG CITY

**Dang Ngoc Phai, Pham Thanh Huyen, Phan Van Truong, Nguyen Tap,
Phan Cong Tuan, Nguyen Van Anh, Ho Quy Phuong, Tran Huu Viet Loi,
Tran Cuc, Huynh Minh Dao, Trinh Thi Quynh**

SUMMARY

Da Nang city is located in Central of Vietnam; the city contains abundant and diverse natural vegetation, including valuable plants. During the period of 2016-2017, the research team conducted many surveys all over the forest zone of the city that showed 968 medicinal plant species belonging to 602 genera, 206 families, 6 divisions of vascular plants. Among them, 50 species were new recorded for the Flora of Da Nang city. Moreover, the survey recorded the forest areas concentrated high diversity of medicinal plants and 31 threatened medicinal plant species. Based on this survey, a recommendation for the sustainable exploitation, expansion and conservation of medicinal plant resources of Da Nang city was proposed.